

Phụ lục

SO SÁNH ĐIỂM KHÁC NHAU GIỮA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CŨ VÀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT MỚI

(Đính kèm Công văn số /SNNMT-PTNT ngày /10/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Nội dung dự thảo Nghị quyết cũ thực hiện theo Nghị định số 358/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị quyết mới thực hiện theo Nghị định 387/2026/NĐ-CP	So sánh sự khác nhau
1	Căn cứ xây dựng dự thảo Nghị quyết		
	Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;	Căn cứ Nghị định số 387/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ quy định nội dung, cơ chế, chính sách thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035;	Nghị định số 387/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ, bãi bỏ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ
2	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng		
-	1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ 01 dự án; định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	Giống nhau, chỉ thay đổi tên Chương trình theo Nghị định 387/2026/NĐ-CP

STT	Nội dung dự thảo Nghị quyết cũ thực hiện theo Nghị định số 358/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị quyết mới thực hiện theo Nghị định 387/2026/NĐ-CP	So sánh sự khác nhau
-	2. Đối tượng áp dụng Các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân, hộ gia đình tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	2. Đối tượng áp dụng Các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân, hộ gia đình tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	Giống nhau, chỉ thay đổi tên Chương trình theo Nghị định 387/2026/NĐ-CP
3	Điều 2. Nguyên tắc thực hiện		
-	1. Thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.	1. Thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Nghị định số 387/2026/NĐ-CP quy định nội dung, cơ chế, chính sách thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035.	Giống nhau (nhưng thay đổi Điều và Nghị định)
-	2. Trường hợp cùng một đối tượng, cùng một địa bàn đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho cùng nội dung hỗ trợ thì chỉ được lựa chọn một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.	2. Trường hợp cùng một đối tượng, cùng một địa bàn đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho cùng nội dung hỗ trợ thì chỉ được lựa chọn một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.	Giống nhau

STT	Nội dung dự thảo Nghị quyết cũ thực hiện theo Nghị định số 358/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị quyết mới thực hiện theo Nghị định 387/2026/NĐ-CP	So sánh sự khác nhau
4	Điều 3. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện dự án		
-	khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết “ 1. Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 80% tổng chi phí thực hiện 01 dự án nhưng không quá 05 tỷ đồng/01 dự án.”	khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết "1. Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện 01 dự án tối đa 5 tỷ đồng/01 dự án."	Khác nhau: Dự thảo Nghị quyết mới không quy định hỗ trợ một phần vốn (80% tổng chi phí thực hiện 01 dự án). Lý do: (Tại khoản 14 Điều 3 NĐ 358/2025/NĐ-CP quy định: hỗ trợ PTSX liên kết theo chuỗi giá trị là việc sử dụng NSNN để hỗ trợ một phần vốn cho chủ trì liên kết và các bên liên kết thực hiện dự án nên cơ quan tham mưu dự thảo Nghị quyết cũ quy định mức hỗ trợ 80%; Tuy nhiên, tại khoản 9 Điều 3 NĐ 387/2026/NĐ-CP không quy định một phần vốn nên đối với dự thảo Nghị quyết mới, do đó, cơ quan tham mưu bỏ mức hỗ trợ 80% tổng chi phí thực hiện 01 dự án).
-	khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết “Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện 01 dự án tối đa 1, 5 tỷ đồng/01 dự án”.	khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết "2. Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện 01 dự án tối đa 1,5 tỷ đồng/01 dự án".	Giống nhau
-	khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết “Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện 01 dự án tối đa 03 tỷ đồng/01 dự án”.	khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết "3. Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 34 Nghị định số 387/2026/NĐ-CP của Chính phủ."	Giống nhau

STT	Nội dung dự thảo Nghị quyết cũ thực hiện theo Nghị định số 358/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị quyết mới thực hiện theo Nghị định 387/2026/NĐ-CP	So sánh sự khác nhau
5	Điều 4. Định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất		
-	khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị quyết “Hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/hộ nghèo, hộ cận nghèo”.	khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị quyết “Hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/hộ nghèo, hộ cận nghèo”.	Giống nhau
-	khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị quyết “Hỗ trợ tối đa 80 triệu đồng/hộ mới thoát nghèo, DTTS, người có công với cách mạng”.	khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị quyết “Hỗ trợ tối đa 80 triệu đồng/hộ mới thoát nghèo, DTTS, người có công với cách mạng”.	Giống nhau
-	khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết “Hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng cho hộ gia đình chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường tham gia dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ”.	khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết “Hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/hộ gia đình chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường tham gia dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ”.	Giống nhau
6	Điều 5. Kinh phí thực hiện		
-	1. Kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương và từ nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 2. Huy động, sử dụng các nguồn vốn khác theo quy định pháp luật.	1. Kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách Trung ương và từ nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 2. Huy động, sử dụng các nguồn vốn khác theo quy định pháp luật.	Giống nhau, chỉ thay đổi tên Chương trình theo Nghị định 387/2026/NĐ-CP

STT	Nội dung dự thảo Nghị quyết cũ thực hiện theo Nghị định số 358/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị quyết mới thực hiện theo Nghị định 387/2026/NĐ-CP	So sánh sự khác nhau
7	Điều 6. Tổ chức thực hiện		
-	1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.	1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.	Giống nhau
8	Điều 7. Xử lý chuyển tiếp		
-	Các quy định về nội dung hỗ trợ, định mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất được quy định tại các Điều của các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành, cụ thể: Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023; Điều 1 Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 03 tháng 5 năm 2024 và tại các Điều của các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành, cụ thể: Điều 3 Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2023; Điều 2, Điều 3 Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2023; Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023; Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2023; Điều 1 Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2025 được tiếp tục áp dụng đến hết thời gian thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 (bao gồm thời gian được kéo dài theo quy định tại các Nghị quyết của Quốc hội).	Không quy định	Lý do: Dự thảo Nghị quyết mới đã bỏ sung thời gian bãi bỏ các Nghị quyết giai đoạn 2021-2025 từ ngày 01/01/2027; do đó không cần quy định điều khoản xử lý chuyển tiếp

STT	Nội dung dự thảo Nghị quyết cũ thực hiện theo Nghị định số 358/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị quyết mới thực hiện theo Nghị định 387/2026/NĐ-CP	So sánh sự khác nhau
	Điều 8. Điều khoản thi hành		
-	1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2026. 2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị quyết này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản đã thay thế, sửa đổi, bổ sung đó. 3. Bãi bỏ một số Nghị quyết, gồm....:	1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2026. 2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị quyết này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản đã thay thế, sửa đổi, bổ sung đó. 3. Bãi bỏ một số Nghị quyết kể từ ngày 01/01/2027, gồm:	Nghị quyết mới bổ sung thời gian bãi bỏ các Nghị quyết quy định hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 kể từ ngày 01/01/2027